

Bản án số: 73/2024/DS-PT
Ngày: 27 - 3 - 2024
V/v "Tranh chấp quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Thanh Liêm
Các Thẩm phán: Ông Phạm Ngọc Thái
Ông Phùng Anh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Ngọc Gia Linh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 309/TLPT-DS ngày 01 tháng 12 năm 2023 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 67/2023/DS-ST ngày 08 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 389/2024/QĐ-PT ngày 05 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Phạm Ngọc T, sinh năm 1947; địa chỉ: Số C, đường T, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng, có mặt.

- **Bị đơn:** Bà Lê Thị Đ, sinh năm 1953, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Văn H, sinh năm 1976.

Cùng địa chỉ: Tổ A, thôn V, xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

Ông Bùi Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt.

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

Địa chỉ: Số G đường H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Thế M, Trưởng Phòng Tài nguyên - Môi trường thành phố T (văn bản ủy quyền ngày 28 tháng 5 năm 2021), có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Quốc S, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T và bà Trịnh Thị Xuân L, chức vụ: Cán bộ phòng Tài nguyên - Môi trường thành phố T, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Ông Bùi Văn H, sinh năm 1976;

3. Bà Bùi Thị L1, sinh năm 1983;

4. Bà Bùi Thị H1, sinh năm 1987;

5. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1982;

Ông Bùi Văn H là người giám hộ cho bà Bùi Thị H1.

Cùng địa chỉ: Tổ A, thôn V, xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

Ông H, bà L1, bà T1 có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Bùi Thị H1: ông Lê Duy T2, luật sư do Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Q cử, có mặt.

- **Người kháng cáo:** Bị đơn bà Lê Thị Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình tố tụng, nguyên đơn trình bày: *họ tộc của nguyên đơn (Tộc P, P, thôn X) có các vị mã (mộ) chôn và xây dựng bia mộ trên khu vực thửa đất số 1071, tờ bản đồ số 9, diện tích 5.400m² từ trước năm 2000, được họ tộc tu bổ và quản lý phần mộ từ trước đến nay. Diện tích đất này được Ủy ban nhân dân thành phố T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Bùi S1 và bà Lê Thị Đ. Quá trình sử dụng đất, ông H là con của ông S1, bà Đ xây dựng tài sản trên đất, buôn bán phế liệu, cản trở gia đình, họ tộc nguyên đơn thăm viếng các ngôi mộ. Sau khi Tòa án xem xét, thẩm định tại chỗ và tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu các bị đơn tháo dỡ tài sản trên đất, chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất, trả lại cho tộc họ của nguyên đơn (Tộc P, P, thôn X, xã T - BL 03 - 05) diện tích đất 985,4m², trên đất có 20 vị mộ của họ Phạm V, P, thôn X, xã T (vị trí tranh chấp số 2 + 3 + 4) và yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân thành phố T đã cấp cho các bị đơn đối với đất tranh chấp.*

Trong quá trình tố tụng, bị đơn Lê Thị Đ không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cho rằng: *diện tích đất mà nguyên đơn tranh chấp thuộc quyền quản lý, sử dụng ổn định của bị đơn, được bị đơn kê khai, đăng ký và đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng pháp luật. Gia đình bị đơn không cản trở việc chăm sóc mộ của gia tộc nguyên đơn. Trong trường hợp Tòa án giải quyết tách riêng phần mộ của phía nguyên đơn thì phía bị đơn đồng ý phạm vi diện tích đất có mộ đã được gia đình bị đơn trồng trụ bê tông tách ra là 670,5m² (vị trí tranh chấp số 3).*

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Ông Bùi Văn H, bà Bùi Thị L1 đồng ý với quan điểm của bị đơn.

- Bà Nguyễn Thị T1 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho rằng việc xây dựng nhà buôn bán phế liệu không ai cản trở, tranh chấp; yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền lợi hợp pháp trong trường hợp di dời tài sản trên đất.

- Ủy ban nhân dân thành phố T xác định: ông S1, bà Đ là hộ gia đình được Ủy ban nhân dân thị xã (*nay là thành phố*) Tam Kỳ giao đất sử dụng để làm kinh tế vườn theo chủ trương của chính quyền tại thời điểm giao đất, việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bị đơn là đúng pháp luật, không đồng ý với yêu cầu hủy quyết định cá biệt của nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 67/2023/DS-ST ngày 08/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

Căn cứ các Điều 26, 34, 37, 39, 92, 147, 157, 158, 165, 166, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 4 Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính; các Điều 160, 163, 166, 169, 688 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 21 Luật Đất đai năm 1993; khoản 20 Điều 4 Luật Đất đai năm 2003; khoản 16 Điều 3, các Điều 65, 100, 166, 203 Luật Đất đai năm 2013; Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 hướng dẫn Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật trong giải quyết tranh chấp về tài sản chung của dòng họ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Ngọc T với bị đơn bà Lê Thị Đ. Ghi nhận sự tự nguyện của các ông, bà: Lê Thị Đ, Bùi Văn H, Bùi Thị L1, Bùi Thị H1, Nguyễn Thị T1 về việc tháo dỡ tài sản trên đất, chấm dứt hành vi cản trở Tộc Phạm V, P, thôn X, xã T quản lý, tu bổ, thăm viếng 20 ngôi mộ có diện tích đất là $670,5m^2$, thuộc một phần thửa đất số 1071, tờ bản đồ số 9 (*nay là thửa đất số 331, tờ bản đồ số 29, diện tích $5.365m^2$*), tại xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Việc quản lý, sử dụng $670,5m^2$ đất có 20 ngôi mộ của Tộc Phạm V, P, thôn X, xã T theo quy định của pháp luật hiện hành.

Không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất, trả lại cho Tộc Phạm V, P, thôn X, xã T $314,9m^2$ đất (*ngoài phạm vi $670,5m^2$ đất thuộc vị trí số 3*), thuộc một phần thửa đất số 1071, tờ bản đồ số 9 (*nay là thửa đất số 331, tờ bản đồ số 29, diện tích $5.365m^2$*), tại xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

2. Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân thị xã (*nay là thành phố*) Tam Kỳ cấp cho ông Bùi S1, bà Lê Thị Đ đối với thửa đất số 1071, tờ bản đồ số 9 (*nay là thửa đất số 331, tờ bản đồ số 29*) năm 2003, liên quan đến phần diện tích đất $670,5m^2$ có 20 ngôi mộ của Tộc Phạm V, P, thôn X, xã T.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí; chi phí tố tụng khác; quyền, nghĩa vụ thi hành án và thông báo về quyền kháng cáo.

Ngày 14/9/2023, bị đơn bà Lê Thị Đ có đơn kháng cáo với nội dung: Bản án sơ thẩm giải quyết không đúng pháp luật, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Đ nên yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét bác đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Ngọc T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Phạm Ngọc T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn bà Lê Thị Đ do ông Bùi Văn H đại diện theo ủy quyền thì tại đơn xin xét xử vắng mặt không rút yêu cầu kháng cáo. Tại đơn kháng cáo bị đơn bà Lê Thị Đ cho rằng, Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án không đúng pháp luật, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Lê Thị Đ nên yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án, bác đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Ngọc T. Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người liên quan bà Bùi Thị H1 có cung cấp đơn trình bày ý kiến của ông Bùi Văn H ngày 20/01/2024, trong đó có yêu cầu xem xét lại số tiền thẩm định 15.000.000 đồng. Đây là yêu cầu vượt quá yêu cầu kháng cáo ban đầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng, về phần thủ tục tố tụng ở giai đoạn xét xử phúc thẩm đảm bảo đúng quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị Đ và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về phần thủ tục tố tụng: Sau khi xử sơ thẩm, bị đơn bà Lê Thị Đ có đơn kháng cáo, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Đ là ông Bùi Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt. Một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử xử vắng mặt các đương sự nói trên. Đây là phiên tòa phúc thẩm mở lần thứ hai, các đương sự đã được triệu tập hợp lệ, việc vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án.

2. Về phần nội dung: Xét kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị Đ thì thấy: Khi ông Bùi S1 và bà Lê Thị Đ được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 5.365m² thì trên đất đã có mộ họ tộc của ông Phạm Ngọc T. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Lê Thị Đ đồng ý giao diện tích đất 670,5m² trên đất có 20 ngôi mộ của Tộc Phạm Văn nên bản án sơ thẩm ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị Đ và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đồng thời hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND thị xã (nay là thành phố) Tam Kỳ cấp cho ông Bùi S1 và bà Lê Thị Đ đối với diện tích đất 670,5m² trên đất có 20 ngôi mộ là hoàn toàn hợp tình,

hợp lý. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị Đ và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

3. Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn bà Lê Thị Đ phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Nhưng xét, bà Lê Thị Đ là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà Lê Thị Đ.

4. Những phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị Đ và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng các Điều 26, 34, 37, 39, 92, 147, 157, 158, 165, 166, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính; các Điều 160, 163, 166, 169, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 21 Luật Đất đai năm 1993; khoản 20 Điều 4 Luật Đất đai năm 2003; khoản 16 Điều 3, các Điều 65, 100, 166, 203 Luật Đất đai năm 2013; Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐTP ngày 05/3/2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Ngọc T với bị đơn bà Lê Thị Đ.

Ghi nhận sự tự nguyện của các ông, bà: Lê Thị Đ, Bùi Văn H, Bùi Thị L1, Bùi Thị H1, Nguyễn Thị T1 về việc tháo dỡ tài sản trên đất, chấm dứt hành vi cản trở Tộc Phạm V, P, thôn X, xã T quản lý, tu bổ, thăm viếng 20 ngôi mộ có diện tích đất là 670,5m², thuộc một phần thửa đất số 1071, tờ bản đồ số 9 (nay là thửa đất số 331, tờ bản đồ số 29, diện tích 5.365m²) tại xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Việc quản lý, sử dụng 670,5m² đất có 20 ngôi mộ của Tộc Phạm V, P, thôn X, xã T theo quy định của pháp luật hiện hành.

Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Tam Kỳ cấp cho ông Bùi S1, bà Lê Thị Đ đối với thửa đất số 1071, tờ bản đồ số 9 (nay là thửa đất số 331, tờ bản đồ số 29) năm 2003, liên quan đến phần diện tích đất 670,5m² có 20 ngôi mộ của Tộc Phạm V, P, thôn X, xã T.

2. Về án phí: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà Lê Thị Đ.

3. Các phần quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THA dân sự tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Thanh Liêm